

**Công ty Cổ phần Dầu khí
Đầu tư Khai thác Cảng Phước An**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--------------------------------------|--------------|
| Thông tin chung | 1 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 3 - 4 |
| Bảng cân đối kế toán | 5 - 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 8 - 9 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 10 - 25 |

335
TY
AN
UT
AC
AN
1.00

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3601010336 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 5 năm 2008, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán dành cho các công ty chưa niêm yết (UPCoM) từ ngày 14 tháng 7 năm 2021, với mã chứng khoán "PAP".

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư khai thác cảng và khu dịch vụ hậu cần cảng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu dịch vụ Hậu cần Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|----------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Nguyễn Thành Đạt | Chủ tịch | |
| Ông Trương Hoàng Hải | Thành viên | bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Hoàng Sỹ Quyết | Thành viên | |
| Ông Đào Minh Tùng | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Hồng Sơn | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Thái Phúc | Thành viên | |
| Ông Trần Nhân Tâm | Thành viên | |
| Ông Trần Ngọc Dũng | Thành viên | miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023 |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|-----------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Bùi Hữu Giang | Trưởng ban | |
| Ông Đào Đức Mạnh | Thành viên | bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023 |
| Bà Trần Thị Lam Giang | Thành viên | miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Duy Hoà | Thành viên | |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|----------------------|-------------------|
| Ông Trương Hoàng Hải | Tổng Giám đốc |
| Ông Đào Minh Tùng | Phó Tổng Giám đốc |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|----------------------|---------------|
| Ông Nguyễn Thành Đạt | Chủ tịch |
| Ông Trương Hoàng Hải | Tổng Giám đốc |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trương Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 2 năm 2024

Số tham chiếu: 12348132/66917117-FN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 2 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 25 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám Đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1073-2023-004-1



Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4637-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 5 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 537.649.102.008 | 768.040.660.094 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 4 | 103.248.204.977 | 635.549.247.711 |
| 111 | 1. Tiền | | 1.628.204.977 | 1.429.247.711 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 101.620.000.000 | 634.120.000.000 |
| 130 | II. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 430.105.782.615 | 77.367.541.311 |
| 132 | 1. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 5 | 417.696.218.816 | 75.224.501.708 |
| 136 | 2. Phải thu ngắn hạn khác | 6 | 12.409.563.799 | 2.143.039.603 |
| 150 | III. Tài sản ngắn hạn khác | | 4.295.114.416 | 55.123.871.072 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 54.454.579 | 53.993.090 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 11 | 4.207.832.378 | 55.037.050.523 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 11 | 32.827.459 | 32.827.459 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 3.899.185.597.631 | 2.397.961.353.582 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 3.883.366.000 | 3.873.366.000 |
| 212 | 1. Trả trước cho người bán dài hạn | 5 | 3.861.366.000 | 3.861.366.000 |
| 216 | 2. Phải thu dài hạn khác | 6 | 22.000.000 | 12.000.000 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 4.970.737.300 | 6.159.711.460 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 7 | 4.970.737.300 | 6.159.711.460 |
| 222 | Nguyên giá | | 12.334.449.587 | 12.334.449.587 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (7.363.712.287) | (6.174.738.127) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | | - | - |
| 228 | Nguyên giá | | 41.733.000 | 41.733.000 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (41.733.000) | (41.733.000) |
| 240 | III. Tài sản dở dang dài hạn | | 3.890.264.266.325 | 2.387.763.593.194 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 8 | 3.890.264.266.325 | 2.387.763.593.194 |
| 250 | IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 9 | - | - |
| 253 | 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 8.000.000.000 | 8.000.000.000 |
| 254 | 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | (8.000.000.000) | (8.000.000.000) |
| 260 | V. Tài sản dài hạn khác | | 67.228.006 | 164.682.928 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | | 67.228.006 | 164.682.928 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 4.436.834.699.639 | 3.166.002.013.676 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 2.347.557.310.931 | 1.069.826.211.901 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 1.199.620.056.508 | 1.069.826.211.901 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 10 | 2.362.998.048 | 145.542.852 |
| 313 | 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 11 | 103.225.912 | 55.310.797 |
| 314 | 3. Phải trả người lao động | | 1.193.388.466 | 390.690.212 |
| 319 | 4. Phải trả ngắn hạn khác | 12 | 1.071.787.190.231 | 1.067.608.799.642 |
| 320 | 5. Vay ngắn hạn | 13 | 123.000.000.000 | - |
| 322 | 6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 1.173.253.851 | 1.625.868.398 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 1.147.937.254.423 | - |
| 338 | 1. Vay dài hạn | 13 | 1.147.937.254.423 | - |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 2.089.277.388.708 | 2.096.175.801.775 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 14 | 2.089.277.388.708 | 2.096.175.801.775 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 2.000.000.000.000 | 2.000.000.000.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 2.000.000.000.000 | 2.000.000.000.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 91.835.000.000 | 91.934.000.000 |
| 414 | 3. Vốn khác của chủ sở hữu | | 9.285.641.372 | 9.285.641.372 |
| 418 | 4. Quỹ đầu tư phát triển | | 2.069.929.634 | 2.069.929.634 |
| 421 | 5. Lỗi lũy kế | | (13.913.182.298) | (7.113.769.231) |
| 421a | - Lỗi lũy kế đến cuối năm trước | | (7.113.769.231) | (2.846.922.696) |
| 421b | - Lỗi thuần sau thuế chưa phân phối năm nay | | (6.799.413.067) | (4.266.846.535) |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 4.436.834.699.639 | 3.166.002.013.676 |

Nguyễn Duy Hòa
Người lập / Kế toán trưởng

Trương Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 2 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|-------------------------------------|-------------|-----------------|-----------------|
| 21 | 1. Doanh thu hoạt động tài chính | | - | 4.779.442.658 |
| 26 | 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 15 | (6.744.681.367) | (6.753.253.566) |
| 30 | 3. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh | | (6.744.681.367) | (1.973.810.908) |
| 31 | 4. Thu nhập khác | | - | 310.684.932 |
| 32 | 5. Chi phí khác | | (54.731.700) | (2.603.720.559) |
| 40 | 6. Lỗ khác | | (54.731.700) | (2.293.035.627) |
| 50 | 7. Tổng lỗ kế toán trước thuế | | (6.799.413.067) | (4.266.846.535) |
| 51 | 8. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 16.1 | - | - |
| 60 | 9. Lỗ sau thuế TNDN | | (6.799.413.067) | (4.266.846.535) |
| 70 | 10. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu | 14.5 | (34) | (28) |
| 71 | 11. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu | 14.5 | (34) | (28) |



Nguyễn Duy Hòa
Người lập / Kế toán trưởng



Trương Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 2 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|---|-------------|----------------------------|--------------------------|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Tổng lỗ kế toán trước thuế | | (6.799.413.067) | (4.266.846.535) |
| | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định | | 926.704.032 | 841.818.810 |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (6.162.529.550) | (6.055.695.849) |
| 08 | Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | (12.035.238.585) | (9.480.723.574) |
| 09 | Giảm (tăng) các khoản phải thu | | 39.165.398.060 | (53.944.418.212) |
| 11 | Tăng các khoản phải trả | | 4.984.003.958 | 1.054.619.895.546 |
| 12 | Giảm (tăng) chi phí trả trước | | 96.993.433 | (190.566.171) |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | - | (14.094.986.302) |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (452.614.547) | (84.000.000) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 31.758.542.319 | 976.825.201.287 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định | | (1.842.492.664.915) | (927.509.011.428) |
| 23 | Tiền chi cho vay | | (20.000.000.000) | - |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay | | 20.000.000.000 | - |
| 27 | Tiền thu lãi tiền gửi | | 7.549.825.439 | 4.604.906.808 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư | | (1.834.942.839.476) | (922.904.104.620) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | (Tiền chi phí tư vấn) / tiền thu từ phát hành cổ phiếu | | (54.000.000) | 580.000.000.000 |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | 13 | 1.479.549.745.268 | 177.160.000.000 |
| 34 | Tiền trả nợ gốc vay | 13 | (208.612.490.845) | (232.160.000.000) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 1.270.883.254.423 | 525.000.000.000 |


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|---|-------------|-------------------|-----------------|
| 50 | Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm | | (532.301.042.734) | 578.921.096.667 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 635.549.247.711 | 56.628.151.044 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 4 | 103.248.204.977 | 635.549.247.711 |



Nguyễn Duy Hòa
Người lập / Kế toán trưởng



Trương Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 2 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3601010336 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 5 năm 2008, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán dành cho các công ty chưa niêm yết (UPCoM) từ ngày 14 tháng 7 năm 2021, với mã chứng khoán "PAP".

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư khai thác cảng và khu dịch vụ hậu cần cảng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu dịch vụ Hậu cần Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 29 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 17).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thống lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|--------------------------|------------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 6 năm |
| Phương tiện vận tải | 3 - 15 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 năm |
| Phần mềm máy tính | 3 năm |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng, triển khai dự án và các chi phí trực tiếp khác.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.13 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế hoãn lại

Thuế hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này. Thuế hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | VND | |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tiền mặt | 26.443.572 | 290.473.572 |
| Tiền gửi ngân hàng | 1.601.761.405 | 1.138.774.139 |
| Các khoản tương đương tiền | 101.620.000.000 | 634.120.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 103.248.204.977 | 635.549.247.711 |

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc dưới 3 (ba) tháng và hưởng lãi suất từ 2,7%/năm đến 4,7%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

| | VND | |
|---|------------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Ngắn hạn | 417.696.218.816 | 75.224.501.708 |
| Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 17) | 259.008.589.776 | 72.796.490.626 |
| Công ty TNHH Mitsui E&S | 141.441.846.000 | - |
| Công ty TNHH Ngân Hàng Phần Mềm Tổng Hợp Việt Nam | 7.439.134.984 | - |
| Công ty Cổ phần Unico Vina | 5.992.444.800 | - |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng Kỹ thuật biển | 1.334.614.560 | 939.318.000 |
| Khác | 2.479.588.696 | 1.488.693.082 |
| Dài hạn | 3.861.366.000 | 3.861.366.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Nga Sơn | 3.861.366.000 | 3.861.366.000 |
| TỔNG CỘNG | 421.557.584.816 | 79.085.867.708 |

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

| | VND | |
|---------------------------------|-----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Ngắn hạn | 12.409.563.799 | 2.143.039.603 |
| Thuế giá trị gia tăng được hoàn | 11.640.554.409 | - |
| Lãi tiền gửi phải thu | 356.546.522 | 1.743.842.411 |
| Tạm ứng cho nhân viên | 295.255.576 | 291.989.900 |
| Khác | 117.207.292 | 107.207.292 |
| Dài hạn | 22.000.000 | 12.000.000 |
| Ký quỹ, ký cược | 22.000.000 | 12.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 12.431.563.799 | 2.155.039.603 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | VND | | | |
|---------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------|
| | <i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i> | <i>Phương tiện vận tải</i> | <i>Thiết bị văn phòng</i> | <i>Tổng cộng</i> |
| Nguyên giá: | | | | |
| Số đầu năm và số cuối năm | 3.908.403.636 | 8.075.088.316 | 350.957.635 | 12.334.449.587 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| <i>Đã khấu hao hết</i> | - | 2.003.751.818 | 350.957.635 | 2.354.709.453 |
| Giá trị khấu hao lũy kế: | | | | |
| Số đầu năm | (3.148.436.272) | (2.675.344.220) | (350.957.635) | (6.174.738.127) |
| Khấu hao trong năm | (651.400.608) | (537.573.552) | - | (1.188.974.160) |
| Số cuối năm | (3.799.836.880) | (3.212.917.772) | (350.957.635) | (7.363.712.287) |
| Giá trị còn lại: | | | | |
| Số đầu năm | 759.967.364 | 5.399.744.096 | - | 6.159.711.460 |
| Số cuối năm | 108.566.756 | 4.862.170.544 | - | 4.970.737.300 |

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí phát sinh liên quan đến Dự án Cảng Phước An. Chi tiết như sau:

| | VND | |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| Chi phí triển khai và xây dựng dự án | 2.030.787.214.380 | 721.369.344.440 |
| Bồi thường giải phóng mặt bằng (i) | 1.544.934.377.792 | 1.552.380.309.792 |
| Lãi vay và chi phí sử dụng vốn được vốn hóa (ii) | 225.069.905.094 | 36.550.744.349 |
| Thiết kế bản vẽ thi công | 21.180.859.933 | 19.871.888.478 |
| Khảo sát địa chất | 17.027.096.865 | 16.223.225.865 |
| Rà phá bom mìn | 15.570.740.040 | 15.570.740.040 |
| Lập dự án đầu tư | 11.458.463.203 | 11.458.463.203 |
| Khác | 24.235.609.018 | 14.338.877.027 |
| TỔNG CỘNG | <u>3.890.264.266.325</u> | <u>2.387.763.593.194</u> |

(i) Trong năm, Công ty đã nhận 9.394.961.000 VND từ Công ty TNHH BOT Phước An hoàn trả cho chi phí đầu tư dự án BOT tuyến đường theo Biên bản thỏa thuận với UBND tỉnh Đồng Nai ngày 5 tháng 5 năm 2017. Ngoài ra, Công ty đã chuyển 1.949.029.000 VND cho Trung tâm Phát triển Quý đất Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai để hỗ trợ đền bù và giải phóng mặt bằng theo Quyết định Số 1260/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023.

(ii) Trong năm, Công ty đã vốn hóa khoản chi phí lãi vay và chi phí sử dụng vốn liên quan đến các khoản vay và khoản vốn nhằm tài trợ cho việc phát triển và xây dựng Dự án Cảng Phước An với số tiền lần lượt là 64.535.160.745 VND và 123.984.000.000 VND (2022: 10.306.808.453 VND và 20.964.394.521 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | VND | |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") | 1.046.545.884.000 | 1.046.545.884.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp</i> | | |
| <i>Tín Nghĩa ("Tín Nghĩa") (*)</i> | 1.033.200.000.000 | 1.033.200.000.000 |
| <i>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại</i> | | |
| <i>Lan Phương</i> | 13.345.884.000 | 13.345.884.000 |
| Phải trả lợi nhuận phân chia từ HĐHTKD với | | |
| Tín Nghĩa | 22.079.342.466 | 20.964.394.521 |
| Lãi vay phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 17</i>) | 1.575.090.410 | - |
| Lãi vay phải trả bên khác | 1.497.852.250 | - |
| Khác | 89.021.105 | 98.521.121 |
| TỔNG CỘNG | <u>1.071.787.190.231</u> | <u>1.067.608.799.642</u> |

(*) Vào ngày 27 tháng 10 năm 2022, Công ty đã ký kết HĐHTKD với Tín Nghĩa, với tổng giá trị là 2.066.400.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 953/NQ-PAP ngày 31 tháng 8 năm 2022. Theo đó, Tín Nghĩa sẽ góp vốn đầu tư xây dựng và nhận lại giá trị phí sử dụng hạ tầng với tỷ suất lợi nhuận tối thiểu là 12%/năm trên khu đất hợp tác tại Dự án Khu Công nghiệp cảng Phước An với tổng diện tích là 600.000 m2.

360
 CỘNG
 KH
 TAI
 GPH
 CH

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VAY

| | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Ngắn hạn | | | VND |
| Vay bên liên quan (Thuyết minh số 13.1) | 208.000.000.000 | (85.000.000.000) | 123.000.000.000 |
| Dài hạn | | | |
| Vay ngân hàng (Thuyết minh số 13.2) | 1.271.549.745.268 | (123.612.490.845) | 1.147.937.254.423 |
| TOTAL | 1.479.549.745.268 | (208.612.490.845) | 1.270.937.254.423 |

13.1 Vay ngắn hạn

Công ty thực hiện vay ngắn hạn từ bên liên quan nhằm phục vụ quá trình xây dựng Cảng Phước An. Chi tiết như sau:

| Bên cho vay | Số cuối năm | Kỳ hạn trả gốc | Lãi suất | Hình thức đảm bảo |
|---|-----------------|--------------------------|----------|-------------------|
| | VND | | %/năm | |
| Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hiệp Hòa | 123.000.000.000 | Ngày 29 tháng 9 năm 2024 | 9.2 | Tín chấp |

13.2 Vay dài hạn

Công ty thực hiện vay dài hạn từ ngân hàng thương mại nhằm phục vụ quá trình xây dựng Cảng Phước An. Chi tiết như sau:

| Tên ngân hàng | Số cuối năm | Kỳ hạn trả gốc | Lãi suất | Hình thức đảm bảo |
|--|-------------------|-------------------------|---|-----------------------|
| | VND | | %/năm | |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch | 1.147.937.254.423 | Ngày 5 tháng 1 năm 2035 | Lãi suất cơ sở cộng biên độ tối thiểu 3.5% - 4% | Công trình và máy móc |

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quý đầu tư phát triển | Lỗi lũy kế | Tổng cộng |
|---|--------------------------|-------------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|--------------------------|
| | | | | | | VND |
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | | | | | | |
| Số đầu năm | 1.500.000.000.000 | 9.285.641.372 | 11.934.000.000 | 2.069.929.634 | (2.846.922.696) | 1.520.442.648.310 |
| Phát hành cổ phần | 500.000.000.000 | - | 80.000.000.000 | - | - | 580.000.000.000 |
| Lỗ thuần trong năm | - | - | - | - | (4.266.846.535) | (4.266.846.535) |
| Số cuối năm | <u>2.000.000.000.000</u> | <u>9.285.641.372</u> | <u>12.014.000.000</u> | <u>2.069.929.634</u> | <u>(7.113.769.231)</u> | <u>2.096.175.801.775</u> |
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | | | | | | |
| Số đầu năm | 2.000.000.000.000 | 9.285.641.372 | 91.934.000.000 | 2.069.929.634 | (7.113.769.231) | 2.096.175.801.775 |
| Chi phí tư vấn phát hành cổ phần | - | - | (99.000.000) | - | - | (99.000.000) |
| Lỗ thuần trong năm | - | - | - | - | (6.799.413.067) | (6.799.413.067) |
| Số cuối năm | <u>2.000.000.000.000</u> | <u>9.285.641.372</u> | <u>91.835.000.000</u> | <u>2.069.929.634</u> | <u>(13.913.182.298)</u> | <u>2.089.277.388.708</u> |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 Chi tiết vốn cổ phần

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------------|--------------------|----------------|--------------------|----------------|
| | Cổ phiếu thường | Tỷ lệ sở hữu % | Cổ phiếu thường | Tỷ lệ sở hữu % |
| Công ty TNHH MTV Hoành Sơn | 40.197.900 | 20.10 | 40.197.900 | 20,10 |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 35.000.000 | 17.50 | 35.000.000 | 17,50 |
| Cổ đông khác | 124.802.100 | 62.40 | 124.802.100 | 62,40 |
| TỔNG CỘNG | 200.000.000 | 100 | 200.000.000 | 100 |

14.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông

| | VND | |
|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Vốn cổ phần | | |
| Số đầu năm | 2.000.000.000.000 | 1.500.000.000.000 |
| Phát hành cổ phần | - | 500.000.000.000 |
| Số cuối năm | <u>2.000.000.000.000</u> | <u>2.000.000.000.000</u> |

14.4 Cổ phiếu

| | Số lượng cổ phiếu | |
|---|-------------------|-------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành | 200.000.000 | 200.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ | 200.000.000 | 200.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 200.000.000 | 200.000.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.5 Lỗ trên cổ phiếu

Lỗ cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Lỗ thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | (6.799.413.067) | (4.266.846.535) |
| Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | <u>200.000.000</u> | <u>152.068.493</u> |
| Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong năm | <u>200.000.000</u> | <u>152.068.493</u> |
| Lỗ trên cổ phiếu (VND) | | |
| Lỗ cơ bản trên cổ phiếu | (34) | (28) |
| Lỗ suy giảm trên cổ phiếu | (34) | (28) |

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

15. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm nay | VND Năm trước |
|---------------------------|------------------------------------|------------------------------------|
| Chi phí lương | 3.777.349.640 | 4.074.691.605 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.828.298.770 | 1.776.988.340 |
| Chi phí khấu hao | 926.704.032 | 841.818.810 |
| Khác | <u>212.328.925</u> | <u>59.754.811</u> |
| TỔNG CỘNG | <u><u>6.744.681.367</u></u> | <u><u>6.753.253.566</u></u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Do Công ty bị lỗ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 nên Công ty không trích thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

16.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

| | VND | |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lỗ kế toán trước thuế | (6.799.413.067) | (4.266.846.535) |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% | (1.359.882.613) | (853.369.307) |
| <i>Các điều chỉnh:</i> | | |
| Chi phí không được trừ | 79.200.000 | 595.944.112 |
| Thuế hoãn lại chưa ghi nhận | 1.280.682.613 | 257.425.195 |
| Chi phí thuế TNDN | - | - |

16.2 Lỗ tính thuế

Lỗ tính thuế của Công ty khác với lỗ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lỗ tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế.

16.3 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 (năm) năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 18.978.036.317 VND (31 tháng 12 năm 2022: 12.574.623.250 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

| Năm phát sinh | Có thể chuyển lỗ đến năm | Lỗ tính thuế (*) | VND | |
|------------------|--------------------------|-----------------------|--|--|
| | | | Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 |
| 2018 | 2023 | 12.930.119.055 | (3.022.086.061) | 9.908.032.994 |
| 2021 | 2026 | 1.379.464.280 | - | 1.379.464.280 |
| 2022 | 2027 | 1.287.125.976 | - | 1.287.125.976 |
| 2023 | 2028 | 6.403.413.067 | - | 6.403.413.067 |
| TỔNG CỘNG | | 22.000.122.378 | (3.022.086.061) | 18.978.036.317 |

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nói trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nghiệp vụ | VND | |
|--|---------------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc | Bên liên quan của cổ đông | Thi công dự án | 1.284.039.988.833 | 660.503.609.886 |
| Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hiệp Hòa | Bên liên quan của cổ đông | Vay | 123.000.000.000 | - |
| | | Lãi vay | 1.575.090.410 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Xây dựng Sài Gòn | Bên liên quan của cổ đông | Cho vay | 20.000.000.000 | - |
| | | Thu hồi cho vay | 20.000.000.000 | - |
| | | Lãi cho vay | 715.966.027 | - |

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nghiệp vụ | VND | |
|--|---------------------------|----------------|------------------------|-----------------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc | Bên liên quan của cổ đông | Thi công dự án | <u>259.008.589.776</u> | <u>72.796.490.626</u> |
| Phải trả ngắn hạn khác | | | | |
| Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hiệp Hòa | Bên liên quan của cổ đông | Lãi vay | <u>1.575.090.410</u> | - |
| Vay ngắn hạn | | | | |
| Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hiệp Hòa | Bên liên quan của cổ đông | Vay | <u>123.000.000.000</u> | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

| Họ và tên | Chức vụ | Thu nhập | |
|--------------------------|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| <i>VND</i> | | | |
| Hội đồng Quản trị | | | |
| Nguyễn Thành Đạt | Chủ tịch | 54.000.000 | 54.000.000 |
| Trương Hoàng Hải | Thành viên/ Tổng Giám đốc | 434.250.000 | - |
| Đào Minh Tùng | Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc | 633.077.726 | 611.082.183 |
| Hoàng Sỹ Quyết | Thành viên | 54.000.000 | 515.282.415 |
| Nguyễn Hồng Sơn | Thành viên | 54.000.000 | 54.000.000 |
| Nguyễn Thái Phúc | Thành viên | 54.000.000 | 54.000.000 |
| Trần Nhân Tâm | Thành viên | 54.000.000 | 36.000.000 |
| Trần Ngọc Dũng | Thành viên | 27.000.000 | 54.000.000 |
| Ban Kiểm soát | | | |
| Bùi Hữu Giang | Trưởng ban | 326.164.544 | 331.039.315 |
| Đào Đức Mạnh | Thành viên | 294.920.544 | 274.361.032 |
| Nguyễn Duy Hòa | Thành viên | 16.200.000 | 32.400.000 |
| Trần Thị Lam Giang | Thành viên | 16.200.000 | - |
| | | 2.017.812.814 | 2.016.164.945 |

19. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Duy Hòa
Người lập / Kế toán trưởng



Trương Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 2 năm 2024

